

Phụ lục I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 204 /QĐ-UBND ngày 09 /03/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)***A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực hoà giải thương mại							
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép nhận thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở trung tâm hoà giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. 1.008913.000.00.00.H42	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPV HCC)		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc. 1.005149.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại. 2.002047.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm	TTPV HCC		Không	x	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ
4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại. 2.001716.000.00.00.H42	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 1.008914.000.00.00.H42	nghey					- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
6	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác 1.008915.000.00.00.H42	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
7	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được	TTPV		Không	x	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 1.008916.000.00.00.H42	văn bản đề nghị của Chi nhánh	HCC				
8	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực	TTPVH CC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận báo cáo của chi nhánh	TTPVH CC		Không	x	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài						
II. Lĩnh vực Trọng tài thương mại							
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. 1.008889.000.00.00.H42	15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		1.500.000đ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV		1.000.000đ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	thuộc trung ương khác. 1.008890.000.00.00.H42		HCC				ngày 19/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp' - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. 1.008904.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		- Đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.000.000đ; - Đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 3.000.000đ	x	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp' - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 1.008905.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		500.000đ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp' - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác. 1.008906.000.00.00.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		5.000.000đ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp' - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. 1.001248.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại	TTPV HCC		- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000đ; - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000đ; - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000đ	x	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
III. Lĩnh vực Thừa phát lại							
1	Đăng ký tập sự hành nghề thừa phát lại. 1.008925.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề thừa phát lại. 1.008926.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Đăng ký tập sự hành nghề và cấp thẻ thừa phát lại. 1.008927.000.00.00.H42	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
4	Cấp lại thẻ thừa phát lại. 1.008928.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
5	Thành lập Văn phòng thừa phát lại. 1.008929.000.00.00.H42	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại - Trong thời hạn 20	TTPV HCC		1.000.000 đồng/hồ sơ		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại					
6	Đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại. 1.008930.000.00.00.H42	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại. 1.008931.000.00.00.H42	- Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng thì thời hạn cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Đối với trường hợp	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		thay đổi khác thì thời hạn cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ					
8	Chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại. 1.008932.000.00.00.H42	<p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định</p>	TTPV HCC		Không		<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		cho phép chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại					
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại. 1.008933.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại. 1.008934.000.00.00.H42	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng thừa phát lại - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất,	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại					
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại. 1.008935.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. 1.008936.000.00.00.H42	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. 1.008937.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
IV. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật							
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật. 1.000627.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	1.000614.000.00.00.H42		HCC				pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh. 1.000588.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật. 1.000426.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật. 1.000404.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật	TTPV HCC		Không		- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật. 1.000390.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không	x	Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
V. Lĩnh vực luật sư							
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. 1.002010.000.00.00.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ	x	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. 1.002032.000.00.00.H42	Không quy định	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên. 1.002055.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh. 1.002079.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư. 1.002099.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân. 1.002153.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		2.000.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. 1.002198.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		1.000.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
9	Hợp nhất công ty luật 1.002218.000.00.00.H42	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
10	Sáp nhập công ty luật. 1.002234.000.00.00.H42	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
11	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài. 1.002398.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		50.000đ/hồ sơ		- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. 1.002384.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		600.000đ/hồ sơ		- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
13	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. 1.002368.000.00.00.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		2.000.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
14	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
VI. Lĩnh vực Đấu giá tài sản							
1	Cấp thẻ đấu giá viên. 2.001815.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên. 2.001807.000.00.00.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị	TTPV HCC		Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. 2.001395.000.00.00.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		1.000.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. 2.001333.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị thay đổi	TTPV HCC		500.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. 2.001258.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị	TTPV HCC		500.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản. 2.001247.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
7	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến. 2.001225.000.00.00.H42	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
8	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản. 2.002139.000.00.00.H42	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở và gửi Bộ Tư pháp.	TTPV HCC		2.700.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
VII. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản							
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân. 1.002626.000.00.00.H42	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và			500.000 đồng/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thông báo bằng văn bản cho người đó, trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp.</p>	TTPV HCC				
2	<p>Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản</p> <p>1.008727.000.00.00.H42</p>	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	TTPV HCC		Không		<p>- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014;</p> <p>- Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. 1.001842.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		500.000 đồng/hồ sơ		- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên. 1.001633.000.00.00.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên	TTPV HCC		Không	x	- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. 1.001600.000.00.00.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp	TTPV HCC		Không		- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
VIII. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư. 2.000970.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. 2.000954.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	TTPV HCC		Không		- Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý. 2.000840.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	TTPV HCC		Không		- Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
4	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. 2.000596.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	TTPV HCC		Không		- Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. 1.001233.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
6	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư. 2.000977.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tô đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc. - Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm. 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
7	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý. 2.000587.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
8	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý. 2.000518.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
9	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý. 2.001680.000.00.00.H42	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Tư pháp		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
10	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý. 2.000829.000.00.00.H42	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Tư pháp		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp
11	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý. 2.000592.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp
12	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. 2.001687.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Sở Tư pháp		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
IX. Lĩnh vực công chứng							
1	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng. 1.001721.000.00.00.H42	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		3.500.000đ/lần		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên. 1.001756.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		100.000 đồng/thẻ	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
3	Cấp lại Thẻ công chứng viên. 1.001799.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		100.000 đ/thẻ	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng. 2.000789.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		1.000.000 đồng/giấy		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
5	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng. 2.000778.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		500.000 đồng/giấy		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
6	Thủ tục đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng hợp nhất 2.000766.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		1.000.000 đồng/giấy		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập. 2.000758.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		500.000 đồng/giấy		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng. 2.000743.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	TTPV HCC		500.000 đồng/giấy		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
9	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyên đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập. 1.003138.000.00.00.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		1.000.000 đồng/giấy		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
10	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng. 1.001071.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.
11	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 1.001125.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	TTPV HCC		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
12	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. 1.001153.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
13	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. 1.001190.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không quy định	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
14	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng. 1.001438.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
15	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng. 1.001446.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
16	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự). 1.001450.000.00.00.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
17	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	TTPV HCC		Không	x	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
18	Hợp nhất Văn phòng công chứng. 1.001688.000.00.00.H42	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình	TTPV HCC		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.					15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp
19	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng	TTPV HCC		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
20	Thành lập Văn phòng công chứng. 1.001877.000.00.00.H42	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng. 1.001665.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		văn bản và nêu rõ lý do.					
22	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng. 1.001647.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
23	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập. 1.003191.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh ra quyết định cho phép chuyển đổi hoặc có văn bản thông báo việc từ chối cho phép chuyển đổi 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp
24	Thành lập Hội công chứng viên.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thành lập Hội công chứng viên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh hồ 	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	1.003118.000.00.00.H42	sơ đề nghị thành lập Hội công chứng viên; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh ra Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do					
25	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng. 1.001234	Không quy định	Tổ chức hành nghề công chứng		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp
26	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt). 2.000775	Không quy định	TTPV HCC		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
27	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng 2.000771	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh có quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập, Sở Tư pháp có trách nhiệm thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;</p> <p>- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị thu hồi quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng có nghĩa vụ nộp đủ số thuế còn nợ, thanh toán xong các khoản nợ khác, làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với công chứng viên, nhân</p>	TTPV HCC		Không		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		viên của tổ chức mình; đối với yêu cầu công chứng đã tiếp nhận mà chưa công chứng thì phải trả lại hồ sơ yêu cầu công chứng cho người yêu cầu công chứng					
28	Thủ tục công chứng bản dịch	Không quá 02 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		10.000 đồng/trang với bản dịch thứ nhất. Trường hợp người yêu cầu công chứng cần nhiều bản dịch thì từ bản dịch thứ 2 trở lên thu 5.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ 2; từ trang thứ		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					3 trở lên thu 3.000đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/trang		
29	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn. 1.003049.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		Áp dụng theo Phụ lục 1 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017.
30	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng.	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung	Tổ chức hành nghề công		Áp dụng theo Phụ lục 1 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	1.003023.000.00.00.H42	phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	chứng				- Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017.
31	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch. 2.001074.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		Áp dụng theo Phụ lục 2 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017.
32	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản. 2.001069.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		Áp dụng theo Phụ lục 3 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
33	Công chứng di chúc 2.001048.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		50.000 đồng		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016
34	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản 2.001039.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		Áp dụng theo Phụ lục 4 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.
35	Công chứng văn bản khai nhận di sản	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối	Tổ chức hành				- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	2.000831.000.00.00.H42	với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	ngành công chứng		Áp dụng theo Phụ lục 5 (<i>chi tiết tại phụ lục đính kèm</i>)		11/11/2016.
36	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản 1.001876.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng		20.000 đồng		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.
37	Công chứng hợp đồng ủy quyền 1.001856.000.00.00.H42	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể	Tổ chức hành nghề công chứng		50.000 đồng		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc					
38	Nhận lưu giữ di chúc 1.001834.000.00.00.H42	Ngay trong ngày nhận di chúc	Tổ chức hành nghề công chứng		100.000 đồng		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.
39	Cấp bản sao văn bản công chứng 2.000818.000.00.00.H42	Không	Tổ chức hành nghề công chứng		5.000 đ/trang, từ trang thứ 3 trở lên thu 3.000đ/trang nhưng tối đa không quá 100.000 đ/trang		- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014; - Thông tư 257/TT-BTC ngày 11/11/2016.
X. Lĩnh vực Giám định tư pháp							
1	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp 2.000890.000.00.00.H42	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư			Không		- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		pháp xem xét, thẩm định hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, thống nhất ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.	TTPV HCC				
2	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp 2.000823.000.00.00.H42	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không		- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp 2.000571.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không.	x	- Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp 2.000568.000.00.00.H42	45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không.	x	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ
5	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp 1.001878.000.00.00.H42	17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không.		- Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ
6	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	Không quy định	TTPV HCC		Không		- Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng 2.000555.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không.		- Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất 1.001117.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		Không		- Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ
9	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Văn phòng giám định tư pháp vi phạm một trong các trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.	TTPV HCC		Không		Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
10	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp 1.001122	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13
11	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp 1.001162 2.000894	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên	TTPV HCC				<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.					

XI. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp

1	Thủ tục cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15	TTPV HCC		<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000đ/lần/n người - Phí cung cấp thông tin LLTP của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ: 100.000đ/lần/n người. 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội; - Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án
---	--	--	-------------	--	--	--	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		ngày			<p>- Trường hợp miễn lệ phí: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật, Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của TTCP; Người cư trú tại các</p>		<p>nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					<p>xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu LLTP thu thêm 5.000đ/phiếu.</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục cấp Phiếu LLTP cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục cấp Phiếu LLTP cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước	10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày					Quốc hội; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
XII. Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm							
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ			- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	<p>đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)</p> <p>1.004583.000.00.00.H42</p>	<p>đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải</p>		<p>Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố</p>	<p>đồng/hồ sơ;</p> <p>- Đối với tổ chức: 100.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a,c khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-</p>		<p>- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;</p> <p>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.			HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình		
2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai 1.004550.000.00.00.H42	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 100.000 đồng/hồ sơ. Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a,c khoản 5 mục	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyên đến.</p>		các huyện, thành phố	XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình		<p>pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận 1.003862.000.00.00.H42	<p>Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ</p>		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 100.000 đồng/hồ sơ. <p>Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a,c khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban</p>	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.			hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình		
4	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu 1.003688.000.00.00.H42	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng	- Đối với cá nhân, hộ gia đình: 80.000 đồng/hồ sơ; - Đối với tổ chức: 100.000 đồng/hồ sơ. Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.</p>		<p>ký đất đai các huyện, thành phố</p>	<p>với các trường hợp quy định tại điểm a,c khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký 1.003625.000.00.00.H42	<p>Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp</p>		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố	<p>Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: 60.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a,c khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-</p>	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyên đến.			HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình		
6	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký 1.003046.000.00.00.H42	Giải quyết hồ sơ đăng ký trong 01 ngày làm việc từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất	Không	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.		đai các huyện, thành phố			06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 2.000801.000.00.00.H42	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: 70.000 đồng/hồ sơ. Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a,c	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.</p>		<p>ký đất đai các huyện, thành phố</p>	<p>khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
8	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở 1.001696.000.00.00.H42	<p>Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ</p>		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.					
9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.000655.000.00.00.H42	Giải quyết hồ sơ đăng ký ngay trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ		Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: 20.000đồng/hồ sơ. Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp quy định	x	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>đăng ký thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ do UBND cấp xã hoặc do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa chuyển đến.</p>		<p>ký đất đai các huyện, thành phố</p>	<p>tại điểm a,c khoản 5 mục XII phần A của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
XIII. Lĩnh vực Quốc tịch							
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam 2.002039.000.00.00.H42	135 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	TTPV HCC		3.000.000 đồng/trường hợp		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008 của Quốc hội; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002038.000.00.00.H42	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	TTPV HCC		2.500.000 đồng/trường hợp		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008 của Quốc hội; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002036.000.00.00.H42	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	TTPV HCC		2.500.000 đồng/trường hợp		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008 của Quốc hội; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước 1.005136.000.00.00.H42	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam - 15 ngày làm việc đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền). 	TTPV HCC		100.000 đồng/trường hợp	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008 của Quốc hội; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam 2.001895.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTPV HCC		100.000 đồng/trường hợp	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008 của Quốc hội; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
XIV. Lĩnh vực Hộ tịch							
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Sở Tư pháp		8.000đ/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐCP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TTBTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TTBTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		Nghị định số 126/2014/NĐ -CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.
XV. Lĩnh vực Nuôi con nuôi							
1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý	TTPV HCC		4.500.000 đồng/trường		- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p>kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến</p> <p>- Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p>			hợp		<p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>
3	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	TTPV HCC		<p>- Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh</p>		<p>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề 			<p>chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+) Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7/9/2012 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ng nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên lạc được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ng nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật Nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>con nuôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi 					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		đúng thời hạn 60 ngày.					
4	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm</p>			<p>+ Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi</p>		<p>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi</p>			<p>con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.					
XVI. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước							
1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	TTPV HCC		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước (TNBTCNN) số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội ; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 04/2018/TT - BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	TTPV HCC		Không		- Luật TNBTCNN số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội ; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ .
3	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng	TTPV HCC		Không		- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước (TNBTCNN) số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội ; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 04/2018/TT - BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>câu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản 3, Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiên hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2, Điều 45 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 46 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng, phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản					
XVII. Lĩnh vực Chứng thực							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
1	Cấp bản sao từ sổ gốc 2.000908.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Sở Tư pháp		Không		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì	Sở Tư pháp		10.000 đồng/trường hợp (trường		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
	2.000884.000.00.00.H42	người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).		ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận 2.000843.000.00.00.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ,	Sở Tư pháp		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không	Sở Tư pháp		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>					

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Hộ tịch							
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài 2.000528.000.00.00.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000806.000.00.00.H42	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện		1.500.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài 1.001766.000.00.00.H42	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	UBND cấp huyện		<p>50.000 đồng/lần</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 2.000779.000.00.00.H42	15 ngày làm việc.	UBND cấp huyện		1.500.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	<p>Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài</p> <p>1.001695.000.00.00.H42</p>	15 ngày làm việc.	UBND cấp huyện		<p>- 50.000 đồng/lần đổi với việc đăng ký khai sinh.</p> <p>- 1.500.000 đồng/lần đổi với việc đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>		<p>- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội;</p> <p>- Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài 1.001669.000.00.00.H42	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội; - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài 2.000756.000.00.00.H42	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội; - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc 2.000748.000.00.00.H42	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	UBND cấp huyện		<p>- Đối với xác định lại dân tộc 25.000 đồng/lần;</p> <p>- Đối với thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch 25.000 đồng/lần</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>		<p>- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.002189.000.00.00.H42	12 ngày làm việc	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.000554.000.00.00.H42	12 ngày làm việc.	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch) 2.000547.000.00.00.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài 2.000522.000.00.00.H42	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
13	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</p> <p>1.000893.000.00.00.H42</p>	<p>05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.</p>	UBND cấp huyện		<p>50.000 đồng/lần</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000513.000.00.00.H42	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp huyện		1.500.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài 2.000497.000.00.00.H42	05 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	UBND cấp huyện		50.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
16	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp huyện		8.000đ/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
II. Lĩnh vực Chứng thực							
1	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp 2.000992.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện		10.000 đồng/trường hợp		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p> <p>Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực</p>					BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật 2.001008.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời	UBND cấp huyện		10.000 đồng/trường hợp		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					
3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản 2.001044.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp huyện		50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản 2.001050.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp huyện		50.000 đồng/văn bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản 2.001052.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	UBND cấp huyện		50.000 đồng/văn bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức	UBND cấp huyện		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					
7	<p>Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận</p> <p>2.000843.000.00.00.H42</p>	<p>Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản</p>	UBND cấp huyện		<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					
8	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) 2.000884.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong	UBND cấp huyện		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).		Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
9	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch 2.000913.000.00.00.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc	UBND cấp huyện		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch 2.000927.000.00.00.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì	UBND cấp huyện		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
11	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 2.000942.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	UBND cấp huyện		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		cho người yêu cầu chứng thực					
12	Cấp bản sao từ sổ gốc 2.000908.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	UBND cấp huyện		Không		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
III. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	UBND cấp huyện		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi 	UBND cấp huyện		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ ; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản 3, Điều 42 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị,					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2, Điều 45 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ đề thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>câu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 46 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.					
IV. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở							
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải 2.000979 2.000424	- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp	UBND cấp huyện		Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định của UBND cấp huyện.</p>					
V. Lĩnh vực Nuôi con nuôi							
1	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</p>	UBND cấp huyện		<p>50.000 đồng/lần</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách</p>		<p>- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật		<p>CP ngày 27/6/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</p>

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Hộ tịch							
1	Đăng ký khai sinh 1.001193.000.00.00.H42	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Đăng ký kết hôn 1.000894.000.00.00.H42	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc</p>	UBND cấp xã		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con 1.001022.000.00.00.H42	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã		15.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã		<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký khai sinh: 8.000 đồng/lần - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Đăng ký khai tử 1.000656.000.00.00.H42	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
6	Đăng ký khai sinh lưu động 1.003583.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
7	Đăng ký kết hôn lưu động 1.000593.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã		Không		- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
8	Đăng ký khai tử lưu động 1.000419.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					hộ nghèo; người khuyết tật.		Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
9	Đăng ký giám hộ 1.004837.000.00.00.H42	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã		Không		- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội; - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ 1.004845.000.00.00.H42	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã		Không.		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội; - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	UBND cấp xã		<p>15.000 đồng/lần</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>		<p>- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;</p> <p>- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 1.004873.000.00.00.H42	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	UBND cấp xã		15.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
13	Đăng ký lại khai sinh 1.004884.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 1.004772.000.00.00.H42		UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
					có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
15	Đăng ký lại kết hôn 1.004746.000.00.00.H42		UBND cấp xã		30.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
16	Đăng ký lại khai tử 1.005461.000.00.00.H42	05 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	UBND cấp xã		8.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Ninh Bình.
17	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi 2.001023	- Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ	UBND cấp xã		Không		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) ; - Nghị định số 123/2015/NĐ - CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT - BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT - BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT -BTP -BCA -BYT ngày 15/5/2015;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.					
18	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi 2.000986	- Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin	UBND cấp xã		Không		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) ; - Luật Cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013); - Nghị định số 123/2015/NĐCP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT - BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT - BTC ngày 29/11/2019 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Công an, cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ</p>					Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.					
19	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch 2.000635.000.00.00.H42	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã		8.000đ/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
II. Lĩnh vực Chứng thực							
1	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho	UBND cấp xã		50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		người yêu cầu chứng thực.					
2	Thủ tục chứng thực di chúc 2.001019.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã		50.000 đồng/di chúc.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản 2.001016.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã		50.000 đồng/văn bản.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001406.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã		50.000 đồng/văn bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001009.000.00.00.H42	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã		50.000 đồng/văn bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ	UBND cấp xã		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.					
7	<p>Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)</p> <p>2.000884.000.00.00.H42</p>	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết</p>	UBND cấp xã		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		quả cho người yêu cầu chứng thực.					257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
8	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch 2.000913.000.00.00.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết	UBND cấp xã		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		quả cho người yêu cầu chứng thực.					
9	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch 2.000927.000.00.00.H42	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết	UBND cấp xã		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		quả cho người yêu cầu chứng thực.					
10	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 2.000942.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
11	Cấp bản sao từ sổ gốc 2.000908.000.00.00.H42	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	UBND cấp xã		Không		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
III. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<p>- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải</p>	UBND cấp xã				<p>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ ;</p> <p>- Thông tư số <u>04/2018/TT-BTP</u> ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản 3, Điều 42 của Luật TNBTCNN năm</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>2017.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>cử người giải quyết bồi thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể,</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường;</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		(2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>ngiht, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2, Điều 45 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1, Điều 46 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.					
IV. Lĩnh vực Nuôi con nuôi							
1	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 30 ngày, trong	UBND cấp xã		400.000 đồng/trường		- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010 của Quốc hội;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		<p>đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến - Thời gian cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao, nhận con 			<p>hợp</p> <p>Miễn lệ phí đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn, người có công với cách mạng nhận</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		nuôi: 05 ngày kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý			con nuôi		
2	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 27/6/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
V. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật							
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật 2.001457.000.00.00.H42	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp – hộ tịch	UBND cấp xã		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật 2.001449.000.00.00.H42	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp – hộ tịch. Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định cho thôi làm tuyên truyền	UBND cấp xã		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		viên pháp luật					Bộ Tư pháp.
VI. Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở							
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên 2.000373	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã		Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải 2.000333	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã		Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU'MTTQVN ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên 2.000930 2.000350	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên	UBND cấp xã		Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên 2.002080	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã		Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Chứng thực							
1	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc kéo dài hơn thời gian giải quyết theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn	Cơ quan đại diện		10 USD/bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		ghi rõ thời gian (ngày, giờ) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực					
2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản đối với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc kéo dài hơn thời gian giải quyết theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan đại diện		10 USD/bản		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực					

PHỤ LỤC 1

1. Mức thu phí công chứng hợp đồng, giao dịch được xác định theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch:

a) Mức thu phí đối với việc công chứng các hợp đồng, giao dịch sau đây được tính như sau:

a1) Công chứng hợp đồng chuyển nhượng, tặng, cho, chia, tách, nhập, đổi, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: Tính trên giá trị quyền sử dụng đất.

a2) Công chứng hợp đồng chuyển nhượng, tặng, cho, chia tách, nhập, đổi, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà ở, công trình xây dựng trên đất: Tính trên tổng giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất, giá trị nhà ở, công trình xây dựng trên đất.

a3) Công chứng hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác: Tính trên giá trị tài sản.

a4) Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản: Tính trên giá trị di sản.

a5) Công chứng hợp đồng vay tiền: Tính trên giá trị khoản vay.

a6) Công chứng hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản: Tính trên giá trị tài sản; trường hợp trong hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản có ghi giá trị khoản vay thì tính trên giá trị khoản vay.

a7) Công chứng hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh: Tính trên giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch.

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng

6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
8	Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

b) Mức thu phí đối với việc công chứng hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản:

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch (tổng số tiền thuê)	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	40 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	80 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,08% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	800 nghìn đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	02 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	03 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng	05 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng (mức thu tối đa là 8 triệu đồng/trường hợp)

c) Mức thu phí đối với việc công chứng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (tính trên giá trị tài sản bán được) được tính như sau:

TT	Giá trị tài sản	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 5 tỷ đồng	90 nghìn
2	Từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	270 nghìn
3	Trên 20 tỷ đồng	450 nghìn

d) Đối với các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, tài sản có giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng được xác định theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, giao dịch đó; trường hợp giá đất, giá tài sản do các bên thỏa thuận thấp hơn mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định áp dụng tại thời điểm công chứng thì giá trị tính phí công chứng tính như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng = Diện tích đất, số lượng tài sản ghi trong hợp đồng, giao dịch (x) Giá đất, giá tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Mức phí đối với việc công chứng hợp đồng, giao dịch không theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch:

TT	Loại việc	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Công chứng hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	40 nghìn
2	Công chứng hợp đồng bảo lãnh	100 nghìn
3	Công chứng hợp đồng ủy quyền	50 nghìn
4	Công chứng giấy ủy quyền	20 nghìn
5	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch (Trường hợp sửa đổi, bổ sung tăng giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch thì áp dụng mức thu tương ứng với phần tăng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 257/2016/TT-BTC)	40 nghìn

6	Công chứng việc hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	25 nghìn
7	Công chứng di chúc	50 nghìn
8	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	20 nghìn
9	Các công việc công chứng hợp đồng, giao dịch khác	40 nghìn

PHỤ LỤC 2

Mức thu phí hủy bỏ hợp đồng, giao dịch là 25.000 đồng; mức thu phí sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch là 40.000 đồng. Đối với việc sửa đổi, bổ sung tăng giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch thì áp dụng mức thu như sau:

1. Mức thu phí công chứng hợp đồng, giao dịch được xác định theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch:

a) Mức thu phí đối với việc công chứng các hợp đồng, giao dịch sau đây được tính như sau:

a1) Công chứng hợp đồng chuyển nhượng, tặng, cho, chia, tách, nhập, đổi, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: Tính trên giá trị quyền sử dụng đất.

a2) Công chứng hợp đồng chuyển nhượng, tặng, cho, chia tách, nhập, đổi, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà ở, công trình xây dựng trên đất: Tính trên tổng giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất, giá trị nhà ở, công trình xây dựng trên đất.

a3) Công chứng hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác: Tính trên giá trị tài sản.

a4) Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản: Tính trên giá trị di sản.

a5) Công chứng hợp đồng vay tiền: Tính trên giá trị khoản vay.

a6) Công chứng hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản: Tính trên giá trị tài sản; trường hợp trong hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản có ghi giá trị khoản vay thì tính trên giá trị khoản vay.

a7) Công chứng hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh: Tính trên giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch.

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng

5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
8	Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

b) Mức thu phí đối với việc công chứng hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản:

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch (tổng số tiền thuê)	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	40 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	80 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,08% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	800 nghìn đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	02 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	03 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng

7	Từ trên 10 tỷ đồng	05 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng (mức thu tối đa là 8 triệu đồng/trường hợp)
---	--------------------	---

c) Mức thu phí đối với việc công chứng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (tính trên giá trị tài sản bán được) được tính như sau:

TT	Giá trị tài sản	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 5 tỷ đồng	90 nghìn
2	Từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	270 nghìn
3	Trên 20 tỷ đồng	450 nghìn

PHỤ LỤC 3

Mức phí công chứng hợp đồng thế chấp tài sản (tính trên giá trị tài sản; trường hợp trong hợp đồng thế chấp có ghi giá trị khoản vay thì tính trên giá trị khoản vay):

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
8	Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

PHỤ LỤC 4

Mức phí công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản (tính trên giá trị di sản):

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
8	Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

Đối với các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, tài sản có giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng được xác định theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, giao dịch đó; trường hợp giá đất, giá tài sản do các bên thỏa thuận thấp hơn mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định áp dụng tại thời điểm công chứng thì giá trị tính phí công chứng tính như sau: Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng = Diện tích đất, số lượng tài sản ghi trong hợp đồng, giao dịch (x) Giá đất, giá tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

PHỤ LỤC 5

Mức phí công chứng văn bản khai nhận di sản (tính trên giá trị di sản):

TT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50 nghìn
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100 nghìn
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng	0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch
4	Từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng	01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng
5	Từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng
6	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng.
8	Trên 100 tỷ đồng	32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

Đối với các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, tài sản có giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng được xác định theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng, giao dịch đó; trường hợp giá đất, giá tài sản do các bên thoả thuận thấp hơn mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định áp dụng tại thời điểm công chứng thì giá trị tính phí công chứng tính như sau: Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản tính phí công chứng = Diện tích đất, số lượng tài sản ghi trong hợp đồng, giao dịch (x) Giá đất, giá tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

